

ĐÔI ĐIỀU SUY NGẪM VỀ CHIỀU CẠNH VĂN HÓA CỦA SỰ HỘI NHẬP TRONG BỐI CẢNH CỦA TOÀN CẦU HÓA.

Tương Lai

I. CHỦ ĐỘNG TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

“*Thương trường*” cũng là “*chiến trường*”, nhưng nghĩ rằng đã thắng trên *chiến trường* thì chắc chắn sẽ thắng trên *thương trường*, có lẽ sẽ là một ngộ nhận lớn. Ấy thế mà không ít người có sự ngộ nhận đó. Nếu thật nghĩ như vậy là đáng áy ngại. Nhưng giả vờ nghĩ như vậy để tự trấn an mình và trấn an người là đáng trách. Chẳng những thế, là một tội lỗi.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình đang diễn ra bất chấp mọi sự đồng tình hoặc phản đối của mỗi quốc gia, từng dân tộc và mọi nhóm xã hội khác nhau.

Trong báo cáo ở Hội thảo năm ngoái về “*Đối diện với Toàn cầu hóa và Hội nhập kinh tế quốc tế*” tôi đã dẫn ra ý tưởng về ***bản chất của “cuộc chơi” này, về “trận chiến này”, ai thông minh sáng suốt thì được nhiều hơn mất, ai dại khờ thì mất nhiều hơn được, có thể “được-mất” rất to nhưng hầu như không thể “được hết” hoặc “mất hết”. Chỉ có một tình huống chắc chắn là mất hết, đó là khi co mình lại, đóng cửa vào, cự tuyệt toàn cầu hóa, khước từ hội nhập.***

Trong cái thế không thể dừng đó thì mạnh dạn nhập cuộc với một thái độ thật sự chủ động và bình tĩnh trong nhận định và phân tích tình hình một cách nghiêm cẩn, không tự thị mà cũng chẳng tự ti, vừa tự tin để có bản lĩnh dẫn thân nhưng lại vừa thật lòng khiêm tốn học hỏi người để hạn chế sự dốt, sự thiếu kinh nghiệm, thiếu hiểu biết của mình, theo tôi, đây là một thái độ, một nét văn hóa cần thiết mà tôi muốn nói rõ thêm trong Hội Thảo lần này.

“Biết người, biết ta”, nói là “*trăm trận trăm thắng*” thì e cũng có phần chưa thấy hết được trận chiến trên thương trường, nhất là với những người mới chập chững vào cuộc, như hiện nay chúng ta đang từng bước đi vào con đường hội nhập trong một thế giới toàn cầu hóa.

Tôi muốn nhắc ở đây những suy ngẫm của tôi đã được viết ra trong một lời giới thiệu cuốn sách bàn về con đường đi tới của dân tộc của bạn tôi vừa xuất bản trong tháng 5.2001:

”Suy ngẫm về những “cái được” vô cùng quý giá dân tộc ta đã giành được mà có lẽ chúng ta còn phải nỗ lực rất nhiều để nhận biết cho hết, cũng như suy ngẫm về những “cái mất” một cách oan uổng mà giờ đây chưa dễ gì chúng ta đã thấm sâu được nỗi đau về những cái mất đó.

Cái được quý giá nhất là tinh thần dân tộc được khởi động và đẩy tới đỉnh cao trong lịch sử với trí tuệ và bản lĩnh của thời đại Hồ Chí Minh ***“không có gì quý hơn độc lập tự do”***, đưa tới những thắng lợi mà không phải dân tộc nào cũng có thể có được trong cuộc chiến tranh giành lại đất nước, để rồi tự khẳng định mình bằng sự dũng cảm và sáng tạo trong sự nghiệp Đổi Mới nhờ ý chí cách mạng, nghị lực sáng tạo và khả năng nắm bắt được những biến đổi của thời đại.

*Cái mất oan uổng và đau đớn nhất là **mất thời cơ lịch sử**. Khi mà nước Nhật của vua Minh Trị biết mở cửa đón nhận nền văn minh công nghiệp thì những đầu óc canh tân của Việt Nam lại bị khước từ do sự bảo thủ, hạn hẹp của nhà cầm quyền, đánh mất cả một giai đoạn phát triển, để lại một hậu quả lâu dài và nghiệt ngã. Những khúc đoạn trường đầy máu và nước mắt mà Đất Nước đã phải trải qua từ khi mất nước cho tới khi giành lại được độc lập và thống nhất đáng để cho chúng ta suy ngẫm. Cái giá phải trả lại là sự tụt hậu so với nhiều nước trong khu vực và với thế giới.*

Mất thời cơ đã được lịch sử chứng minh là cái mất to lớn nhất. Và sự phán xét của lịch sử sẽ vô cùng nghiêm khắc về sự đánh mất này. Đối với bất kỳ ai.

Để không đánh mất thời cơ trong thời đại Hội nhập và Toàn cầu hóa thì cần phải “**biết mình biết người**”, cho dù không được “*trăm trận trăm thắng*” trên thương trường thì cũng không đến nỗi phải “*khuyh gia bại sản*”, và nhờ những vấp vấp thất bại ban đầu mà có đủ bản lĩnh và kinh nghiệm để thua keo này bày keo khác. Chính vì vậy mà phải chủ động trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Đây là điều không thể khác vì toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một “cuộc chiến” đang diễn ra gay gắt và phức tạp với nhiều trận đánh, trong mỗi trận đánh ấy, sự sắp xếp lực lượng hai bên rất có thể là khác nhau. Hoàn toàn không loại trừ khả năng chính đồng minh trong trận này có thể là đối thủ trong trận sau. Trong quá trình ấy, quan hệ đối tác hợp tác và quan hệ đối phương tranh chấp đan xen nhau, sự cạnh tranh **trên đại thế**, được nhìn nhận là động lực đặc trưng mạnh nhất của kinh tế thị trường toàn cầu hiện đại thì **trong cụ thể**, có thể có tính chất lạnh mạnh trong trường hợp này lại cũng có thể có tính dã man trong trường hợp khác.

Chính vì vậy, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế trong thế kỷ XXI sẽ định hình như thế nào, nghĩa là sẽ có mục tiêu, nội dung, phạm vi, mức độ, tiến độ và cách làm ra sao là tùy thuộc vào sự so sánh lực lượng, ở kết quả của toàn bộ cuộc chiến và của từng trận đánh. Sự định hình đó là sản phẩm mà các dân tộc phải làm ra, chứ không phải là một thực tế khách quan đã có sẵn mà các dân tộc khác nhau bị áp đặt phải thích ứng cho thuận chiều và phù hợp với nó.

Các nước đang phát triển đã có bài học kinh nghiệm sâu sắc đối với sự áp đặt của “*chủ nghĩa tân tự do*” đã từng muốn tự mình trở thành “*tư duy duy nhất*” của loài người, thể hiện thành cái gọi là “**đồng thuận Washington**” do Mỹ và các tổ chức tài chính quốc tế là IMF và WB vừa mách nước vừa áp đặt cho các nước ở Châu Mỹ la-tinh từ đầu thập kỷ 70 và được bổ sung, phát triển với những nội dung “**ổn định hóa**” và “**điều chỉnh cơ cấu**” tóm tắt trong 10 điều được tuyên truyền như một “liều thuốc vạn năng” cho mọi quốc gia!

Sự thật thì “*đồng thuận Washington*” có kết quả trong một số chương trình “**ổn định hóa**” song lại cực hiếm thành công trong những chương trình “**điều chỉnh cơ cấu**” để phát triển. Trong lúc đó thì những nước công nghiệp mới (NICs) châu Á chẳng những không theo mà còn có điểm khác hẳn “*đồng thuận Washington*” lại gạt hái được những thành tựu lớn.

Rõ ràng là, các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển như nước ta, thực hiện quá trình hội nhập không phải chỉ để tuân theo các luật chơi đã có sẵn và đủ cả rồi, không phải chỉ để tận hưởng các lợi ích, cũng chẳng phải chỉ để làm trọn nghĩa vụ. Điều cực kỳ quan trọng của

sự chủ động tham gia vào quá trình hội nhập ấy là để có thể ***góp phần sửa chữa và bổ sung các luật chơi đã có*** nhưng còn nhiều điểm sai hoặc thiếu, cũng có thể vừa sai vừa thiếu. Từ đó, tham gia vào việc tạo ra những luật chơi mới, lành mạnh và tốt đẹp hơn. Làm như vậy cũng chính là để góp phần tạo nên ***bộ mặt nhân văn của toàn cầu hóa*** và hội nhập kinh tế với hàm nghĩa đó là ***sự nghiệp của con người, do con người, vì con người.***

Với ý nghĩa đó thì toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, theo quan niệm và mong muốn của chúng ta, phải là ***một công trình văn hóa và nhân văn cao cả***, đòi hỏi và cho phép phát huy bản lĩnh văn hóa, nâng cao những nét văn hóa tiến bộ, loại bỏ những nét văn hóa lỗi thời, lạc hậu của từng dân tộc.

Làm được điều này quả là không đơn giản vì ở đây vừa là một phần đấu để tự nâng tầm vóc của dân tộc mình lên ngang với tầm vóc của thời đại, và để thực hiện được sứ mệnh lớn lao đó lại phải dám có sự tự phản tỉnh, tự chỉ trích về những mặt yếu kém của con người Việt Nam chúng ta đối diện với đòi hỏi mới, thách thức mới. Chính ở đây sẽ động chạm đến tầng sâu của ***“kết cấu hạ tầng tâm lý xã hội”*** (infrastructure socio-psychologique).

Cũng trong bản tham luận năm ngoái, tôi đã trình bày đôi ý về ***kết cấu hạ tầng tâm lý xã hội*** đó, những ý ấy cũng đã phần nào trực tiếp bàn đến chủ đề của Hội Thảo lần này, những vấn đề xã hội – văn hóa của toàn cầu hóa. Nay xin trình bày kỹ thêm một số vấn đề.

Có nhiều lý do cần hội nhập kinh tế, trong đó, ***mở rộng không gian kinh tế*** là đòi hỏi sống còn để phát triển kinh tế của đất nước trong bối cảnh của toàn cầu hóa. Để làm được việc này thì không thể chỉ với nền kinh tế nguyên liệu, đào bới tài nguyên thô từ lòng đất đem bán, bằng những sản phẩm ít có khả năng cạnh tranh và không có giá trị gia tăng, bằng nền kinh tế không có khả năng thay đổi cơ cấu để tạo được lợi thế so sánh và cạnh tranh, bằng nền kinh tế “gia công” khai thác giá nhân công rẻ, hàm lượng trí tuệ thấp và không theo kịp được trình độ công nghệ của thế giới và do đó cũng không có khả năng khai thác những nguồn lực mới từ bên ngoài.

Ấy thế mà, tất cả những điều cần phải khắc phục đó đều đụng phải những nhược điểm là ***tàn dư của lối sống tiểu nông vốn có bề dày hàng ngàn năm lịch sử còn trầm tích, tồn đọng trong kết cấu hạ tầng tâm lý xã hội gắn liền với mặt bằng dân trí còn quá thấp*** so với yêu cầu phát triển của chúng ta hôm nay. Tôi nghĩ , nhấn mạnh điều này vì suy cho cùng thì yếu tố quyết định thành công của hội nhập vẫn chủ yếu là ***con người, trí tuệ và bản lĩnh của con người.***

Phải thấy hết ***mặt mạnh*** của con người Việt Nam trước thách thức của hội nhập, và khó hơn, nhưng cũng lại cần kíp hơn, là thấy cho được ***mặt yếu*** của con người Việt Nam ta trước thách thức đó. Trong tham luận năm ngoái, tôi đã có sơ bộ trình bày một số ý kiến về vấn đề này và cho đến hôm nay, tôi nghĩ rằng những vấn đề ấy vẫn có ý nghĩa thời sự.

2. NGƯỢC DÒNG LỊCH SỬ ĐỂ TỰ NHÌN LAI MÌNH

Trong ánh hào quang của những chiến thắng lẫy lừng của những cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, đánh thắng cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, sự say sưa về thắng lợi đã bị giội một gáo nước lạnh của những khó khăn dồn dập

sau chiến tranh. Đó là sự bực vờ một mô hình kinh tế không còn đủ sức tạo ra động lực của sản xuất và phát triển, dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội trầm trọng và kéo dài, tạo nên một hụt hẫng lớn trong tâm trạng xã hội. Sự nghiệp Đổi Mới là một tất yếu lịch sử để cứu vãn tình thế và đưa đất nước vượt qua chông gai mà đi tới.

Quả đúng như lời của một người Pháp trong một cuộc Hội thảo về truyền thống và hiện đại và tôi cũng đã hơn một lần nhắc đến trong các bài viết của mình mỗi khi suy ngẫm đến chủ đề này :” ***lịch sử cổ xưa và hiện đại của dân tộc này cho thấy họ luôn luôn tìm ra những giải pháp độc đáo cho những vấn đề gặp phải***”. Sự nghiệp Đổi Mới của Việt Nam có lẽ cũng là một trong ***những giải pháp độc đáo*** đó.

Nhưng rồi, những bước ngập ngừng, trắc trở trên con đường Đổi Mới phải chăng cũng lại in đậm những dấu ấn của “ ***lịch sử cổ xưa và hiện đại của dân tộc này***”. Và đây chính là điều tôi muốn được nói kỹ hơn.

Thấy được cái mạnh của truyền thống là rất cần thiết. Song thấy cho được cái yếu của “truyền thống” lại cần thiết hơn, nhất là vào lúc này. Lúc mà chúng ta đang phải “***gánh vác một trọng trách chưa có tiền lệ***”, lúc mà “***chúng ta đang đi trên một con đường chưa có bản đồ***”.

Tôi luôn luôn trăn trở nghĩ suy về câu nói của C.Mác trong “ *Ngày mười tám tháng Sương mù của Louis Bonaparte*” : “***Truyền thống của tất cả các thế hệ đã chết đè nặng như quả núi lên đầu óc như người đang sống***”. Rõ ràng là phải có đầu óc thật sự tỉnh táo khi phân tích và tiếp nhận những di sản của quá khứ

Thực ra thì từ tuyệt đỉnh vinh quang tụt xuống sự hụt hẫng của suy thoái không là chuyện hiếm trong lịch sử loài người và riêng lịch sử của dân tộc ta cũng không thiếu. Những trí tuệ mẫn tiệp của mọi thời đại vẫn từng thấu suốt cái lẽ thông thường ấy. Hãy chỉ nghe riêng một lời bình của Ngô Thời Nhiệm về ngọn núi Yên Tử và ông vua Trần góp phần dựng nên Thiên phái Phật Giáo Trúc Lâm cũng có thể chiêm nghiệm được điều đó: “***người ta thấy đức Điều ngự đệ nhất tổ đến ở chùa Hoa Yên thì bảo là ngài xuất gia. Ta biết rằng đức Ngài lúc bấy giờ biết xem thiên hạ là công, trong nước vô sự, nhưng ở phía Bắc có nước láng giềng mạnh mẽ, Ngài chửa được yên tâm. Cái ý ấy không tiện nói rõ, sợ người ta dao động. Cho nên ngắm được ngọn núi Yên Tử là núi cao nhất, phía đông nhìn về Yên Quảng, phía bắc liếc sang hai tỉnh Lạng, dựng nên ngôi chùa, thường thường dạo chơi để xem động tĩnh, cốt để ngừa cái mối lo nước ngoài xâm phạm. Thật là một vị Vô lượng đại thế chí Bồ Tát. Lúc bấy giờ chỉ có Huyền Quang tôn giả biết được ý ấy, bỏ cái cao sang của một vị trạng nguyên, sớm chiều đi theo Ngài, để hoàn thành cái ý nguyện của Ngài, thật là một vị Vô lượng kiến thức Đại Bồ Tát***”.(1)

Quý vậy thay những bậc “***đại thế chí***” và “***vô lượng kiến thức***” đã được phong làm “***Bồ Tát***” ấy!

Thật ra, một ông vua “***để ngừa cái mối lo về nước ngoài xâm phạm***” mà phải lên lập chùa tận trên núi cao nhằm “***thường dạo chơi để xem động tĩnh***” thì e cũng chưa phải là thượng sách! Nhưng tác giả của “*Trúc lâm tông chi nguyên thanh*”, một bậc “đại trí”, danh sĩ đời Hậu Lê, đâu chỉ thu hẹp ý nghĩa trong câu chuyện “tả chân” sự kiện chùa Yên Tử với vị vua đã từng là người đứng trên đỉnh cao muôn trượng của chiến thắng đánh tan tác giặc Nguyên Mông rồi

những ngôi báu cho con để trở thành người sáng lập một *Thiền phái Phật giáo, không chịu ảnh hưởng của Trung quốc cũng không chịu ảnh hưởng của Ấn Độ.*

Tôi suy ngẫm mãi về lời bình của Cao Huy Thuần ***”Trần Nhân Tông tiếp nối và làm hiển hách một văn hóa Phật giáo đã khai hoa, nở nhụy ở Việt Nam từ thời Lý. Về sức học, Trần Nhân Tông của ta tuyệt vời, tưởng như đã truyền cho ta tinh túy của đạo Phật”.*** Tác giả của *“Thượng đế, Thiên nhiên, Người, Tôi và Ta...”* đã cho là đại ngu khi đặt ra câu hỏi *”đạo Phật có làm cản trở gì Trần Nhân Tông trong việc chống xâm lăng không?”* Và Ông luận rằng ***”Đi tu và đánh giặc là một. Đó là điều kỳ lạ mà cả dân tộc ta phải suy ngẫm hoài.”... ”bản thân tôi cứ suy niệm hoài về chuyện này: nếu các vua Lý Trần không nắm được tinh túy của Thiền trong tư tưởng và trong hành động, làm sao các vị vừa có thể là vua lớn, vừa là Phật tử lớn...”***.(2)

Một bậc thức giả như Ngô Thời Nhiệm dẫn chuyện ***“chùa Yên Tử với đức Điều Ngự đệ nhất tổ”*** chính là để khuyến cáo với đời cái chí lớn của người gánh vác sứ mệnh lớn lao của đất nước. Họ phải có cái nhìn xuyên suốt lịch sử và phóng tầm mắt về phía trước để thấy trong vinh quang đã sẵn có mầm tai họa phải dè chừng. Phải thấy cho thấu cái ***bất biến*** cũng như phải nghiệm cho sâu cái ***hằng biến***. Mà với vị thế địa chính trị của đất nước ta thì cái mối lo nói trên của bậc thức giả thể hiện một nhãn quan chính trị thật là minh triết, đã từng được lịch sử chiêm nghiệm. Và cũng chẳng riêng gì người gánh vác trọng trách phải biết lo điều ấy.

Phải làm cho cả dân tộc đừng ngủ quên trong hào quang của quá khứ, đừng ngủ quên trên vụn mùa vừa thu hoạch mà không thấy rằng bão táp, lũ lụt đang chập chờn phía trước. (Nếu nói theo nghĩa đen trần trụi, chỉ một việc rớt giá gạo trên thị trường gạo khu vực và thế giới cũng có thể làm lao đao hàng chục triệu gia đình nông dân lam lũ với *”tác đất,tác vàng”*.)

Dẫn giải dài dòng những điều trên cũng chỉ cốt diễn đạt một suy ngẫm : ***dường như chúng ta chưa có được sự dũng cảm cần thiết và quyết liệt để thấy cho đủ, cho sâu chỗ thiếu, chỗ yếu của dân tộc mình đối diện với những thách thức của thời đại.*** Vì thiếu thông tin, điều đó quá đúng. Nhưng không chỉ có thế.

Phải đưa thông tin đến cho mọi người, đến cho được tận hang cùng, ngõ hẻm, vùng sâu, vùng xa...Để làm gì? Để đánh thức những người đang quá vất vả vì miếng cơm, manh áo mà phải an phận trên một mặt bằng dân trí quá thấp. Tôi cứ băn khoăn mãi về một nhận định gần đây của một nhà văn, anh vốn rất am hiểu về nông dân vì chính anh cũng từ luống cày mà đến với thơ ca và các giảng đường đại học, viết về người nông dân, đội quân chủ lực của mọi cuộc cách mạng và mọi chiến công của lịch sử, hiện đang chiếm đến gần 80% dân số :

“Họ khổ đến mức không còn biết là mình khổ nữa. Người nông dân ta dường như không có thói quen so sánh mình với người dân ở các nước tiên tiến, cũng không so sánh với dân đô thị. Họ chỉ so sánh mình với chính mình thôi. Và thế là thấy mình sướng quá....Bây giờ thì chẳng cần phải lạ ông Giời cũng có bát cơm đầy và khúc cá to rồi. Thế là sướng. Vua cũng chẳng bằng mình. Ông Giời, ông Phật gì cũng cứ thua mình tất...Đảng chia cho họ một cái nồi đồng, một cái chảo gang, một cái cối đá thủng trong cái cách ruộng đất, cũng đủ để họ nhớ suốt đời, biết ơn suốt đời. Rồi họ mang xương máu của chồng, của con, của chính họ ra để trả nghĩa. Hàng triệu người chết trong mấy cuộc chiến tranh. Hàng vạn người cho đến tận hôm nay vẫn không tìm thấy hài cốt. Họ chiến đấu hi sinh để bảo vệ Tổ quốc, dĩ nhiên là như vậy rồi, nhưng

không hẳn chỉ có như vậy. Sự đền ơn trả nghĩa ấy mới thiêng liêng và dữ dội biết bao. Bởi thế, chẳng có sự phản trắc nào có thể tồn tại được ở đất nước trong vắt một bầu khí quyển nông dân.”(3)

Tôi băn khoăn là băn khoăn ở chính cái **”bầu khí quyển nông dân“** này, băn khoăn chính ở cái chuyện **”chỉ so mình với chính mình thôi”**.

Phải chăng chính cái đó lại là cái trở ngại lớn nhất trên con đường phát triển của dân tộc ta hôm nay ? Để hóa giải cái băn khoăn ấy, tôi cố điểm lại những **”vang bóng một thời”** của **cái bầu khí quyển nông dân ấy**, thử xem nó đã đổi thay như thế nào khi chúng ta đang bước vào một cuộc đọ sức mới.

Trải qua những biến động lịch sử dữ dội ngót một thế kỷ, đặc biệt là nửa cuối thế kỷ XX, cái làng quê cổ truyền đã có nhiều biến đổi. Người nông dân cũng đã có những thay đổi lớn lao.

Là chủ lực quân của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, họ đã rời lũy tre làng, bôn ba khắp chốn. Với cái cốt cách **”chân cứng đá mềm”**, bàn chân họ đã bước khắp mọi nẻo đường của đất nước từ Bắc chí Nam. Nhiều người đã nằm lại vĩnh viễn. Những người trở về lại làng quê của mình mang theo những hành trang mới về văn hóa và lối sống học được bên ngoài lũy tre làng quen thuộc mà trước kia cha ông họ chưa từng biết và cũng chưa từng truyền lại cho họ. Chính những cái đó đem lại **khởi sắc** cho bộ mặt nông thôn vào những thập kỷ cuối của thế kỷ XX bước vào thế kỷ XXI.

Đó là một sự thật lớn lao. Song, lại cũng có một sự thật khác cũng nặng nề không kém. Những biến động lịch sử đã qua chưa đủ làm cho **”tất cả những quan hệ xã hội cùng đờ và hoen rỉ, với cả tràng những quan niệm và tư tưởng vốn được tôn sùng từ nghìn xưa đi kèm những quan hệ ấy, đều đang tiêu tan”**(4)

Tôi nhớ đến một nhận định của học giả Đào Duy Anh, tác giả của **”Việt Nam Văn hóa Sử cương”** cách đây hơn nửa thế kỷ dường như vẫn còn có những gợi ý cho hôm nay **”vô luận về phương diện nào, ta vẫn thấy quá khứ còn sống ở hiện thời, cái tinh thần tôn cổ ấy vốn làm cho xã hội ta không tiến bộ được mau chóng... Ở trước sức bức xúc của văn hóa hoạt động của Âu Châu thì cái văn hóa yên tĩnh của ta không thể nào đứng vững được. Nên tảng văn hóa cũ vì thế mà lay chuyển, khiến ta thỉnh thoảng thấy những chỗ yếu hèn và khuyết hám của nó.**”(5)

Dường như chúng ta vẫn chưa đẩy tới tận cùng của sự nhận thức sâu sắc rằng **”mỗi bước tiến mới sẽ tất yếu biểu hiện ra như là một sự xúc phạm tới cái thiêng liêng, là một sự nổi loạn chống lại trạng thái cũ đang suy đồi nhưng được tập quán thần thánh hóa.”**(6)

Chính cái **tập quán** đó là một lực cản rất đáng sợ cho sự phát triển, vì nó đang thực hiện điều mà có thể chính nó cũng không hiểu được, tức là sự nguy hại của việc **”thần thánh hóa cái trạng thái cũ đã suy đồi”** để cho con người quỳ lạy, khấn vái.

Cái **tập quán** của hệ thống làng xã khép kín và tự trị xưa kia vốn có tác dụng lớn trong tổ chức chống ngoại xâm, bảo tồn nền văn hóa dân tộc thì những tàn dư còn đọng lại của nó hôm nay lại là lực cản cho sự phát triển. Chính nó đã góp phần khá lớn vào sức trì kéo, gây cản trở cho quá trình hội nhập. Cần suy ngẫm sâu về cái tập quán đó.

Nếu làng xã là mô hình xã hội và văn hóa truyền thống , thì bên cạnh những giá trị cần bảo lưu và đổi mới, phải thấy rõ đó là cái nguồn mạch của sự thiển cận và thủ cựu. Mô hình ấy dễ làm nảy sinh và duy trì một lối sống dễ bằng lòng với **cái hiện có**, dễ thỏa hiệp, ngại **“rút giầy động rùng”**, tự an ủi **“tránh voi chẳng xấu mặt nào”**, sợ **“sinh sự thì sự sinh”** cho nên chủ trương **“cơm sôi nhỏ lửa”, “một điều nhịn là chín điều lành.”. *Cái đã có vốn quen thuộc và có uy lực vì nó mang tính ổn định trì trệ.***

“Giấc mộng tiểu nông” ru ngủ con người trong tâm lý thích an cư lạc nghiệp, ngại sự xê dịch, đổi thay. Chỉ cần **“còn ao rau muống, còn dây chum tương”** là đã có thể ung dung nhìn ngắm sự đời. Vì không sao cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất nên lại cổ vũ cho lối ứng xử **“bớt bát, mát mặt”**, động viên sự bằng lòng với số phận **“cơm ba bát, áo ba manh, đói không xanh, rét không chết”**, tự an ủi với mức sống **“thịt cá là hương hoa, tương cà là gia bản”**, thậm chí thỏa hiệp với một thứ triết lý **“sống về mồ mả, ai sống về cả bát cơm”**. Ngay khi đã có cái nhu cầu trao đổi và giao lưu **“nhất cận thị, nhị cận giang”** thì người tiểu nông vẫn không quen, không ưa cái cảnh **“gạo chợ, nước sông”**. Nghề buôn, nghề thủ công tuy đem lại thu nhập cao hơn nghề trồng lúa mà không phát triển nổi có nhiều nguyên nhân, nhưng trong đó có sự trì kéo của tâm lý **“cây cày vốn nghiệp nông gia”** cho dù cái nghiệp ấy gian truân vất vả.

Tâm lý ấy nuôi dưỡng một chủ nghĩa bình quân **“xấu đều hơn tốt lỗi”, “khôn độc không bằng gốc đàn”**, dễ nảy sinh sự đố kỵ với người ngoi lên hơn mình, dẫn đến **tâm lý “ghét giàu”, ghét người giàu**. Đây là một nét tâm lý có cội nguồn sâu xa và phức tạp của xã hội tiểu nông chịu sự chi phối nặng nề của chủ nghĩa bình quân. Cần có sự phân tích, lý giải cận kẽ vì trong quá khứ, tâm lý này đã góp phần **kìm hãm tính cơ động xã hội**, làm chậm sự phát triển kinh tế. Tâm lý này cũng dễ dàng hậu thuẫn cho những giải pháp duy ý chí muốn xóa bỏ tư sản trong **“công tư hợp doanh”** và **“cải tạo tư bản tư doanh”**, làm triệt tiêu một nguồn lực cần cho sự phát triển kinh tế sau chiến tranh. Khi bước vào quá trình hội nhập, cần phải cổ vũ và phát triển một đội ngũ những nhà doanh nghiệp giỏi, có bản lĩnh dám chịu rủi ro, mạo hiểm để đầu tư vào sản xuất và kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu và mở rộng không gian kinh tế thì tâm lý đó là một trong những lực cản ít được nhìn nhận một cách thấu đáo để tìm ra những giải pháp khắc phục.

Cái sức nặng của **“đất lề, quê thói”** là một thứ xiềng xích về tư tưởng không cho nó bung ra khỏi những tập quán quen thuộc, được thặng hoa bằng những giáo huấn của hệ tư tưởng Nho gia **“Nói tiếp, làm theo, không thay đổi (Kế, Thuật, Vô cải)**, trói chặt con người trong khuôn khổ của mô hình xã hội văn hóa làng xã đã định hình từ bao đời.

Cái **“đã định hình”** ấy khước từ mọi sự canh tân. Nó củng cố tính bảo thủ được khoác cho những tấm áo đủ mọi màu sắc để xoa dịu những số phận bị kìm hãm, để đánh lừa những đầu óc muốn đổi mới. Tâm lý **“trâu ta ăn cỏ đồng ta”** ngăn chặn mọi sự đổi mới, vươn xa, bóp chết những khát vọng giải phóng cá nhân, kích thích tìm tòi phát huy năng lực mới, cổ vũ những suy nghĩ táo bạo và sáng tạo. Cung cách **“sống lâu lên lão làng”**, cái trật tự **“lão quyền”**, **“ông bảy mươi phải hỏi ông bảy mươi một”** đã làm thui chột sức trẻ và sự năng động sáng tạo của tuổi trẻ, mặc dầu vẫn tự nhủ rằng **“con hơn cha là nhà có phúc”**. Nhưng “hơn” là hơn danh vọng, tước vị, hơn ở sự giàu sang, phú quý, chứ lại không cho hơn về trí tuệ sáng

tạo, vì sợ chệch khỏi phương châm “*nối tiếp, làm theo, không thay đổi*” những điều mà cha ông đã cho là “*thiên kinh, địa nghĩa*”!

Chính đây là mảnh đất nuôi dưỡng sự trì trệ, “*an phận thủ thường*” được củng cố bằng *chủ nghĩa bình quân, chủ nghĩa giáo điều* và *chủ nghĩa quan liêu*! Chủ nghĩa bình quân gắn liền với lối sống tiểu nông của nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, năng suất quá thấp, không có tích lũy xã hội, triền miên trong sự thiếu thốn. Chủ nghĩa giáo điều gắn liền với lối học từ chương, một sách trong rập khuôn theo “*tứ thư, ngũ kinh*”, không vượt ra ngoài những điều “*tử viết*”. Chủ nghĩa quan liêu gắn liền với bộ máy cầm quyền rất xa dân.

Có một khía cạnh cần phân tích kỹ ở tâm lý “ghét giàu” nói trên đây khi nó được củng cố bằng việc đối lập *nghĩa* với *lợi*, *coi khinh chữ lợi* của đạo đức học Khổng Mạnh. Trong bảng giá trị xã hội theo trình tự thứ bậc *sĩ, nông, công, thương*, thì người đi buôn, tức là người có khả năng làm giàu nhất bị xếp ở cuối bảng. Trong xã hội “*trọng nông ức thương*” ấy, Nhà nước chuyên chế Phương Đông chủ trương trói chặt người nông dân vào mảnh ruộng làng để đóng thuế, đi phu, đi lính... cho nên luôn luôn đề cao tư tưởng “*nông vi bản*”, ngăn chặn việc bỏ ruộng đất để đi buôn.

“Một chế độ chống sự “giàu có quá phận vị” tất không thừa nhận lối làm ăn “nhất bản vạn lợi”. Một chế độ khuyến khích sự an phận giữ bản nghiệp tất chống lại cách làm ăn cầu may, trục lợi. Đó là mặt nghiệp, pháp luật ức chế, xã hội khinh bỉ. Thương nhân bị xếp vào hạng chót và ở vị trí nhục nhã đó, kẻ giàu có bằng thương nghiệp bị quan lại ức hiếp, sách nhiễu”(7). Nghề buôn không có điều kiện phát triển thành nghề buôn lớn mà chỉ dừng lại ở chỗ “mua rong, bán rong” quanh các chợ nông thôn, khá hơn chút đỉnh là những “chợ vùng” và một số “làng buôn”, không hình thành nổi những trung tâm buôn bán lớn tách ra khỏi làng. Chế độ chuyên chế chồng lên các làng xã tự trị và khép kín của những thứ bậc đẳng cấp được quy định sẵn trong tổ chức xã hội của *vua quan* và *tử dân* bám chắc vào công điền công thổ.

Chung quy lại, người dân chỉ có hai con đường để kiếm sống: một là *đi cày* hai là *đi học*. Đi cày thì suốt đời chân lấm tay bùn nhưng có cố ngoi lên qua con đường đi học để có thể được *làm quan* hoặc *làm thầy* (tức là thầy đồ dạy học ở trong làng theo dạng “*tiên vi quan, thoái vi sư*”) thì không phải ai cũng có thể ngoi lên được để theo con đường ấy. Cho nên, tuyệt đại bộ phận vẫn giữ nghề gốc là nghề cày ruộng! Tâm lý “*nông vi bản*” được củng cố vững chắc trong bối cảnh xã hội đó, một xã hội mà nền chuyên chế của nhà nước phong kiến *không chú trọng mấy đến sản xuất và kinh doanh, chỉ sống bằng tô thuế*, vì vậy chỉ cần *giữ yên* chứ *không cần phát triển*. Chủ nghĩa quan liêu nói ở trên được củng cố trên cái nền tảng này.

Trong cái xã hội “*nông vi bản*”, *doanh nghiệp và doanh nhân* (đội quân chủ lực của sự hội nhập kinh tế quốc tế hôm nay) bị miệt thị, không có điều kiện phát triển. Họ bị đóng đinh trên đài dư luận “*Khác màu người quý vẻ thanh, Ngẫm ra cho kỹ như hình con buôn*”. Bọn “*con buôn*” ấy lại xuống cấp một bậc nữa với tên gọi “*lũ con phe*” trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, bác bỏ kinh tế thị trường ở Miền Bắc sau năm 1954. Chẳng những thế, doanh nhân đồng nghĩa với giai cấp tư sản, đối tượng của cách mạng Xã Hội Chủ Nghĩa, phải xóa bỏ bằng “*công tư hợp doanh*”, bằng “*cải tạo công thương nghiệp tư*

bản tư doanh”. Chính những cuộc cải tạo này đã in đậm dấu ấn của chủ nghĩa duy ý chí “**lấy lòng mong muốn thay cho thực tế...điều nguy hiểm nhất là bất chấp quy luật của lịch sử, muốn đốt cháy giai đoạn , không tính đến điểm xuất phát về tình hình mọi mặt của nước ta lúc bấy giờ...quay lưng lại với biết bao sự thật hằng ngày diễn ra trước mắt mình để lao vào những sai lầm với những cái giá đắt phải trả. Rõ ràng đây là một sự thiếu sáng suốt trong nhận thức và hành động, trong lý luận và thực tiễn.**” (8)

Có lẽ một trong “những cái giá đắt phải trả “ đó là việc xóa bỏ một lực lượng kinh tế có khả năng đóng góp to lớn vào sự nghiệp dân giàu nước mạnh , giờ đây buộc phải bắt tay vào xây dựng lại từ đầu để chuẩn bị cho sự hội nhập kinh tế quốc tế.

III. HIỆN ĐẠI HÓA TRUYỀN THỐNG

VÀ TRUYỀN THỐNG HÓA HIỆN ĐẠI

“*Trung thành với truyền thống không có nghĩa là quay về những thế kỷ đã lui tàn để ngắm một dãy dài những bóng ma, mà trái lại đem hết sức mình tiến về phía tương lai, như dòng sông chỉ có chảy ra biển mới gọi là trung thành với ngọn nguồn của nó*”. Tôi muốn mượn câu nói ấy của Jaurès để từ những trình bày trong phần “**ngược dòng lịch sử để tự nhìn lại mình**” chuyển sang đôi nét về những giá trị văn hóa đang nảy sinh trong hiện tại của đời sống dân tộc.

Bởi lẽ, truyền thống văn hóa, bản sắc văn hóa, các giá trị văn hóa của một dân tộc không phải chỉ là những gì đã hình thành trong quá khứ của lịch sử mà gồm cả những gì đang nảy nở trong hiện tại của đời sống dân tộc. Hơn nữa, chính những cái đang hình thành trong cuộc sống hôm nay, vừa là sản phẩm của thời đại lại vừa nối tiếp và nâng cao lên những tinh hoa của lịch sử là nét chủ yếu của sức mạnh văn hóa đang tạo động lực cho quá trình chủ động hội nhập.

Chúng ta hiểu sâu sắc rằng, một trong những yếu tố quyết định để dân tộc ta tồn tại và phát triển qua bao hưng vong và thử thách, là nhờ đã định hình và nuôi dưỡng được một nội lực văn hóa vững chắc trong quá trình tiếp biến văn hóa, đủ sức thanh lọc và hấp thu những tinh hoa văn hóa ngoại sinh.

Từ buổi ban đầu của lịch sử, **“tinh thần cởi mở và khoan dung về mặt văn hóa** đã hình thành cùng với sự hình thành dân tộc Việt Nam. Từ đầu thế kỷ thứ X, nhà cải cách đầu tiên của lịch sử dân tộc là Khúc Hạo đã đề xướng quan điểm “ **Chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị, dân chúng đều được an vui**”. Cương lĩnh đó vẫn là tinh thần xuyên suốt trong nhu cầu thế kỷ dựng nước và giữ nước tiếp theo. Mặc dầu có những ảnh hưởng nặng nề của nền văn hóa Hán học, nhìn chung ông cha ta vẫn cố giữ lấy cốt cách riêng “**miếu hiệu tuy đồng, đức bất đồng**”. Tinh thần cởi mở và khoan dung về mặt văn hóa ấy đã trở thành một phần không thể tách rời của bản sắc dân tộc Việt Nam.

Cũng chính với **“tinh thần cởi mở và khoan dung về mặt văn hóa** đó mà trong suốt chiều dài lịch sử, ở vị trí ngã ba giao lưu Âu, Á, dân tộc ta đã tiếp thu một cách sáng tạo những tinh hoa văn hóa phương Đông cũng như phương Tây để làm giàu cho nền văn hóa của mình. Biết kế thừa, phát huy và nâng lên tầm cao mới truyền thống tốt đẹp ấy, bản lĩnh cao

quý ấy, với tư duy sáng tạo, là tiền đề cực kỳ thuận lợi cho quá trình hội nhập trong bối cảnh của toàn cầu hóa hôm nay. Đó cũng chính là **một quá trình tiếp biến văn hóa mới**, biết giữ vững và phát huy sức mạnh nội sinh của nền văn hóa dân tộc để tiếp nhận những tinh hoa văn hóa, văn minh của loài người trong thời đại của xã hội tri thức và nền kinh tế tri thức.

Vả chăng, văn hóa không phải là hệ thống đóng kín những những giá trị loại biệt. Văn hóa là một tổng hợp đang phát triển của những thành tựu vật chất và tinh thần mà xã hội đã đạt được, nó phản ánh hoạt động thực tiễn của con người. Xét đến cùng, văn hóa trước hết phải là sự phát triển của con người trong toàn bộ sự phong phú các mối quan hệ của nó với thế giới xung quanh, trong tính toàn vẹn của sự tồn tại tích cực của con người. Đó không chỉ là các quan hệ hiện có mà còn là lịch sử của các quan hệ đó, tức là mối liên hệ với quá khứ, sự tiếp nhận những thành tựu của quá khứ cũng như sự rũ bỏ những gánh nặng của quá khứ. Chính vì thế, một dân tộc giàu sức sống là một dân tộc biết **hiện đại hóa truyền thống và truyền thống hóa hiện đại**.

Truyền thống chính là sự khẳng định về cái đã có như là một kết quả về mặt thực tế cũng như về mặt tâm lý. Truyền thống là sự lắng đọng tự nhiên của dòng sông lịch sử. Mà lịch sử, hiểu theo một cách nào đó, chẳng qua là những giai đoạn trong sự phát triển vô cùng tận của xã hội loài người đi từ thấp lên cao. Mỗi giai đoạn đều là tất yếu, và do đó, có lý do tồn tại trong thời đại và trong những điều kiện mà nó ra đời. Song, trước những điều kiện mới cao hơn, những điều kiện đang dần dần phát triển ở ngay trong lòng nó, thì nó sẽ trở nên không vững chắc, mất lý do tồn tại, buộc phải nhường chỗ cho giai đoạn mới.

Chúng ta đang ở vào thời điểm của thế kỷ XXI. Từ thế kỷ XX chuyển sang thế kỷ XXI, loài người tiếp cận một thế giới mà độ phức tạp của nó đã có phần vượt quá năng lực trí tuệ phán đoán của con người. Hệ thống lớn với những tầng cấu trúc cực kỳ phức tạp như xã hội loài người của chúng ta lại đang ở trong một thời kỳ mà các quy luật lượng biến thành chất và phủ định của phủ định bột phát tác động đa chiều, ở nhiều tuyến, nhiều diện, cộng hưởng trong không gian và hội tụ trong thời gian. Phải chăng tình trạng đó có thể được xét như một **quá trình quá độ tổng hợp** gần tới thời đoạn của các tập hợp những đột biến to lớn có khả năng làm thay đổi số phận của loài người đang sống trên trái đất đã đến lúc trở nên quá nhỏ hẹp này.

Chúng ta tiến hành chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh của toàn cầu hóa vào thời điểm đặc biệt đó. Truyền thống văn hóa, bản sắc văn hóa, các giá trị văn hóa của dân tộc ta đang được kiểm nghiệm trong thử thách nghiệt ngã đó. Nếu chúng ta hiểu rằng, con người tạo ra giá trị đồng thời với những nhu cầu của nó, những nhu cầu đó nảy sinh cùng với những khả năng, thì giá trị truyền thống còn là giá trị khi điều kiện xã hội của một giai đoạn mới vẫn còn đủ cho những giá trị đó tồn tại, khi những giá trị ấy vẫn đáp ứng được nhu cầu của sự vận động và phát triển của giai đoạn lịch sử mới. Một khi mà những giá trị cũ không còn thích hợp với điều kiện và nhu cầu của giai đoạn lịch sử mới nữa thì tính tích cực của một số truyền thống nào đó sẽ không còn nữa, chính lúc ấy, chúng **“đè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống”**. Chính vì vậy mà phải **“hiện đại hóa truyền thống”** gắn liền với **“truyền thống hóa hiện đại”**

Trên tinh thần đó, chúng ta hiểu rằng, tham gia toàn cầu hóa và tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế phải là một quá trình kép : **vừa toàn cầu hóa cái dân tộc, vừa dân tộc hóa cái toàn cầu**. Chính ở đây thể hiện tập trung ý nghĩa của **sự chủ động hội nhập** mà tôi đã nhiều lần nhấn mạnh trong bài tham luận lần trước và trong nội dung của tham luận này.

Đây sẽ là một quá trình rất phức tạp và là sự thử thách nghiệt ngã bản lĩnh của dân tộc, bản lĩnh của con người Việt Nam. Trong “Văn Hóa và Đổi Mới”, Phạm Văn Đồng đã từng phân tích mặt mạnh của con người Việt Nam, trong đó có : **”sự nhạy cảm đối với cái mới bất cứ từ đâu đến, nhạy cảm trong việc đánh giá nó, hấp thụ nó, tiêu hóa nó và biến nó thành vốn quý của mình**. Đồng thời Ông cũng khuyến cáo tuy **”nhạy cảm với cái mới, nhưng nếu định hướng chung không đủ rõ ràng và bản lĩnh cá nhân không vững chắc thì cũng dễ du nhập từ nước ngoài cả những điều sai lầm, thậm chí độc hại.”**(9)

Chúng ta đã có quá nhiều bài học trên lĩnh vực này.

Không có điều kiện đi sâu vào một vấn đề cực kỳ hệ trọng này một phần do sự hiểu biết còn quá hạn hẹp của tôi, một phần vì thời gian không cho phép, tôi chỉ gọi lên hai ví dụ về những cái “du nhập” có thể dẫn đến **”những điều sai lầm, thậm chí độc hại** ấy:

1. Nói đến toàn cầu hóa, không thể phủ nhận được rằng nó được khởi nguồn từ những quan điểm lý thuyết cũng như hoạt động thực tiễn của **”chủ nghĩa tân tự do**” ra đời trên cái nền chính trị, xã hội Mỹ – Âu. Chủ nghĩa tân tự do phù hợp với học thuyết chính trị, xã hội chủ đạo có tính truyền thống là chủ nghĩa tự do, và nó có những hệ quả thúc đẩy, thay đổi, làm sâu sắc thêm, làm hiện đại hơn cái chất chính trị, xã hội của chủ nghĩa tự do ấy.

Chính chủ nghĩa tân tự do ấy đang bành trướng trên thế giới, tạo ra cái cách toàn cầu hóa hiện nay, ảnh hưởng đến chính sách đối nội và đối ngoại của hầu hết các nước. Nhưng cũng trên mảnh đất sinh thành của nó, chủ nghĩa tân tự do đã bị chỉ trích và lên án ngày càng nhiều, càng nặng bởi chính các học giả của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Nội dung của sự phê phán ấy hết sức đa dạng, song tựu trung xoay vào phê phán những diễn biến của **”toàn cầu hóa hiện nay**”, hàm ý cần phải có **”toàn cầu hóa khác hiện nay**” hoặc **”toàn cầu hóa sẽ tới**”.

”Toàn cầu hóa hiện nay” bộc lộ quá nhiều những ngược điểm, chẳng hạn như sự phân phối thành quả rất bất công; toàn cầu hóa về kinh tế không đi đôi với sự quan tâm đúng mức về xã hội và con người, khiến cho phần thua thiệt về xã hội và con người rất nặng nề; không coi trọng đầy đủ ba nhân tố trụ cột của xã hội hiện đại là **thị trường, nhà nước và xã hội dân sự**. Toàn cầu hóa hiện nay chỉ thiên về thị trường mà xem nhẹ Nhà nước, nhất là xem nhẹ xã hội, như thế cũng có nghĩa là nó vì lợi nhuận hơn là vì lợi ích của con người. Chính ở đây bộc lộ rất rõ những khuyết tật của **”chủ nghĩa tân tự do**” về mặt lý thuyết cũng như về mặt thực tiễn. Ấy thế mà, như ở một đoạn trên tôi đã có nhắc đến, chủ nghĩa tân tự do muốn trở thành **”tư duy duy nhất**” của loài người. Họ đã tự gọi và cũng đã khiến cho nhiều người gọi họ là **”tư duy duy nhất**”. Thế nhưng, ngày càng có sự phê phán gay gắt, sự lên án ngày càng mạnh chẳng những cái vị trí độc tôn mà cả cái nội dung của cái gọi là **”tư duy duy nhất**” ấy. (10)

Chính vì thế, không thể không nhận rõ và chỉ ra những rác rưởi và cặn bã của chủ nghĩa tân tự do để có sự ứng xử đúng đắn trong quá trình chủ động hội nhập. Đây chính là một khía cạnh văn hóa hết sức quan trọng của sự hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

2. Một “*điều sai lầm, thậm chí độc hại*” khác là “**chủ nghĩa giáo điều phản Mác**”, du nhập vào một quốc gia qua một lớp người gọi là có học vấn, có “lý luận”, rồi lan ra, chi phối từ người có chức, có quyền các cấp đến số đông dân cư. Thế rồi, từ tư duy, dần dần thấm vào tình cảm, tâm lý, thói quen và hành động ứng xử mọi mặt, có khi trở thành “*tư duy chính thống quốc gia*”, “*tình cảm, tâm lý dân tộc*”.

Thế là, từ một học thuyết khoa học, chủ nghĩa Mác bị xuyên tạc, được dàn dựng như một thứ giáo điều, một thứ “bái vật giáo” và áp đặt một hệ tư duy sai lầm, thô thiển gây ngộ nhận cực kỳ tai hại. Thứ “**chủ nghĩa giáo điều phản Mác**” ấy không hiểu được trong điều kiện lịch sử nào mà Ph. Angghen đưa ra khái niệm về “Chủ nghĩa Mác”, còn chính bản thân C. Mác, lúc sinh thời, không bao giờ tự cho rằng mình là người sáng lập ra một học thuyết là “chủ nghĩa Mác”, thậm chí Ông nói rằng “*ông không phải là người Mác xít*”!

Không phải ngẫu nhiên mà Mác trả lời con gái phượng châm mà Ông thích nhất là “**hoài nghi tất cả**”. Đương nhiên đây là sự hoài nghi khoa học mà nếu không có nó thì cũng không thể có sáng tạo, có phát minh khoa học, để làm cho tri thức của loài người cứ phong phú mãi lên. Không bao giờ Mác tự cho rằng đã nắm chắc cái chân lý vĩnh hằng của đối với bất cứ một cái gì. Ông luôn luôn trăn trở về những công trình nghiên cứu của mình, cũng chính vì thế, sinh thời, Mác chỉ cho xuất bản tập thứ nhất của bộ “*Tư Bản*”, còn tập thứ hai và thứ ba thì Ông vẫn còn tiếp tục suy nghĩ, sửa chữa trong cả gần 17 năm, trước khi mất vẫn chưa chịu cho xuất bản vì Ông cảm thấy vẫn còn phải tiếp tục sửa chữa, bổ sung và hoàn chỉnh thêm. Những người nghiên cứu về Mác sau này cho rằng, do diễn biến của cuộc sống, có những nhân tố mới, cuối đời Mác đã thấy, nhưng không kịp đi sâu nghiên cứu để từ đó rút ra chất lý luận mới, nhất là đã phát hiện ra những vấn đề về Mỹ, về Phương Đông, những vấn đề đó mở ra một chân trời lý luận mới nhưng Ông chưa nghiên cứu được bao nhiêu vì không còn đủ thời gian. Cuối đời Mác cũng đã nhận ra được ý nghĩa cực kỳ to lớn của khoa học và công nghệ nhưng chưa kịp đi sâu nghiên cứu để có thể chất lọc từ đó hàm lượng lý luận cần thiết bổ sung cho công trình đã viết của mình.

Và điều quan trọng hơn cả là với Mác, bản chất của lý luận không bao giờ là hoàn chỉnh trọn vẹn cả. Ông là người rất cầu toàn, không bao giờ tự bằng lòng về cái đã xong. Chính vì vậy, người ta cho rằng: “**Mác là con người mà sự sửa chữa đến nhanh hơn sự hình thành. Chưa kịp hình thành đã sửa chữa, bổ sung**”. Có hiểu thấu điều này mới thấy sự nguy hại của “*chủ nghĩa giáo điều phản Mác*” là sự xuyên tạc những thành tựu và tư duy lý luận của Mác.

Chủ nghĩa Mác không phải là một tôn giáo để cho các tín đồ tụng niệm hàng ngày nhằm cầu mong sự cứu rỗi, mà là một học thuyết khoa học đòi hỏi phải luôn luôn bám sát lấy cuộc sống, tìm nhựa sống từ trong cuộc sống thường xuyên vận động, thường xuyên đổi mới. Bởi vậy, qua mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử với những biến đổi lớn lao, qua những cột mốc thành tựu ngày càng phong phú của kiến thức mà loài người đạt được, những học trò của Mác phải có ý thức chiếm lĩnh lại toàn bộ di sản còn dang dở của Mác một cách mới mẻ mà trong điều kiện của Mác, Mác chưa có thể hình dung được. Điều này thì Ph. Angghen đã từng phát biểu từ thế kỷ XIX: “*cứ mỗi khi trong khoa học của loài người xuất hiện một phát minh tương đối quan trọng, thì chủ nghĩa duy vật cách mạng tức là chủ nghĩa duy vật biện chứng lịch sử và*

lý luận cách mạng lại mang một khuôn mặt mới, diện mạo mới kể cả cái nguyên lý cơ bản". Vì không hiểu được điều này, những luận điểm của "*chủ nghĩa giáo điều phản Mác*" thực sự đã là gánh nặng kìm hãm sự phát triển.

Từ Mác trở lại đây, loài người chưa chứng kiến một cột mốc mới trong lịch sử tư duy với tầm cỡ như Friedrich Hégel (1770-1831) mà như người ta nói, không hiểu được Hégel thì cũng không thể hiểu Mác, chứ chưa nói đến được như Mác. Thế nhưng, loài người ở thế kỷ XXI này, với những thành tựu của khoa học và công nghệ đưa trình độ phát triển của đời sống vật chất và tinh thần của xã hội loài người lên một trình độ mới mà cho dù với những bộ óc vĩ đại như Hégel, như Mác, ở thời đại của mình không sao có thể hình dung nổi. Chúng ta hy vọng rằng, với sự xuất hiện của nền văn minh trí tuệ, nền kinh tế tri thức, sẽ có những cột mốc mới trong lịch sử tư duy như Mác đã làm trong thế kỷ XIX. Và, như chính Mác đã từng đòi hỏi, thế hệ sau phải biết "*đứng trên vai*" chứ không phải "*quỳ dưới chân*" những người đi trước để nhìn thấy xa hơn, rộng hơn, do đó mà biết đưa ra những kiến giải phù hợp với thời đại của mình, thúc đẩy cuộc sống đi tới.

Từ hai ví dụ gợi lên hết sức sơ lược này, tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng, ngoài những di hại tật bệnh của quá khứ, trong hiện tại, chúng ta cũng đang phải đương đầu với những "*sai lầm*", "*độc hại*" của những cái đang nảy sinh trong cuộc sống, trong đó những rác rưởi, cặn bã của "*chủ nghĩa tân tự do*" hoặc những xuyên tạc, dung tục hóa và thô thiển hóa học thuyết Mác của "*chủ nghĩa giáo điều phản Mác*" là những biểu hiện khá tiêu biểu. Những "*sai lầm*", "*độc hại*" ấy thực sự là lực cản cho sự phát triển của dân tộc, là sức trì kéo, làm chậm quá trình chủ động hội nhập với sự tĩnh táo và năng động.

Những quan niệm đúng đắn về "hiện đại hóa truyền thống và truyền thống hóa hiện đại" mở ra một chân trời giàu những cái mới về nhận thức và hành động thực tiễn. Chẳng hạn như, không thể quan niệm việc xây dựng một nền kinh tế thị trường văn minh và vững mạnh lại không có những doanh nghiệp phát triển, không có những doanh nhân tài giỏi, có kinh nghiệm và nhất là có trí tuệ, có bản lĩnh để có thể trở thành những đối tác ngang tài ngang sức với các nhà đầu tư nước ngoài mà chúng ta đang trải thảm đón mời.

Để chủ động tiến hành quá trình hội nhập kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa thì tiền đề cực kỳ quan trọng là phải có một đội ngũ những doanh nhân như vậy. Muốn có được cái đó thì đường lối, chính sách, pháp luật và thể chế cần phải tương thích với yêu cầu mới. Cùng với những cái đó, việc *chuyển đổi tâm lý và dư luận xã hội* còn chịu ảnh hưởng những tàn dư của quan điểm trọng nông ức thương trước đây có ý nghĩa lâu dài và cơ bản.

Mặt khác, phải khắc phục sự thiếu hiểu biết, thậm chí *những định kiến của một thời về vai trò quan trọng của tài năng kinh doanh, của tri thức và kinh nghiệm quản lý sản xuất và kinh doanh của doanh nhân trong cuộc cạnh tranh trên thương trường*. Phải chặng ở đây thể hiện cách hiểu thô thiển trước đây, và không phải hiện nay không còn những ám ảnh, về công thức C.V.M của Mác. Cách hiểu thô thiển và có phần xuyên tạc này chỉ thấy có lao động chân tay của người thợ làm nên cái M mà thôi. Và như thế là đã gạt bỏ hoàn toàn ra khỏi nền sản xuất xã hội lực lượng trí thức, các nhà khoa học trong hoạt động sản xuất, loại bỏ các nhà kinh doanh với bản lĩnh dám chịu rủi ro, mạo hiểm để đầu tư, chức năng tổ chức và quản lý của họ trong sản xuất và kinh doanh.

Đây là một chiều cạnh xã hội và văn hóa đặc thù của Việt Nam trước yêu cầu của hội nhập mà không phải đã được nhận thức một cách sâu sắc, kể cả trong một bộ phận không nhỏ những người có trọng trách.

Vậy thì tóm lại, những “*vang bóng một thời*” đó đã còn lại những gì khi dân tộc ta đã trải qua những chặng đường dài với nhiều thử thách khắc nghiệt và nay đang dấn bước vào cuộc hội nhập với nhiều cơ may song cũng đầy rẫy chạm bẫy đòi hỏi một bản lĩnh cần thiết để vững vàng trong một bối cảnh mới ?

Với một sự sòng phẳng và tường minh cần thiết của sự phân tích thật khách quan, cần nói rằng, một phần không nhỏ “*những quan hệ xã hội cứng đờ và hoen rỉ, với cả những quan niệm và tư tưởng vốn được tôn sùng từ ngàn xưa đi kèm những quan hệ ấy*” **chưa “tiêu tan**, chúng vẫn “*được tập quán thần thánh hóa*”! Phải nhận chân cho ra những tàn dư nặng nề ấy trong nhiều chiều cạnh xã hội và văn hóa, vì chúng có tác động lớn đến quá trình hội nhập kinh tế trong bối cảnh của toàn cầu hóa. Đó chính là một nội dung của sự “*biết mình và biết người*” để có thể giành được phần thắng trong cuộc đua tranh. Và, để thấy cho hết, cảm nhận cho sâu cái gánh nặng quá khứ đó, phải có sự đối sánh với ý tưởng : **cần được tư duy lại cho tương lai** của những nhà khoa học có tầm cỡ của thế giới hiện đại tập trung quanh 3 chủ đề lớn được nêu lên từ năm 1997:

* *con đường cũ dừng ở đây*, tương lai không phải là sự tiếp tục của quá khứ, thế giới đã thay đổi và kiểu tư duy tuyến tính không còn thích hợp với một thế giới phi tuyến

* *thời đại mới đòi hỏi những cách tổ chức mới*, người thắng cuộc trong thế kỷ XXI sẽ là những người có năng lực biến tổ chức của mình thành một cái gì đó thật linh hoạt, có khả năng phản ứng nhanh, chuyển hướng nhanh trong một miền đất đầy trắc trở và bất định.

* rồi chúng ta sẽ đi về đâu, ta cần có một tầm nhìn, một định hướng mục tiêu về tương lai, nhưng không phải bằng cách nhìn vào một bản đồ có sẵn. *Không có bản đồ nào cho miền đất chưa khám phá*, thay vào đó, những người đi đầu sẽ nhìn về phía trước, sáng tạo những ý tưởng mới, phát hiện những chân trời mới, vạch đường để hấp dẫn mọi người cùng đi. (11)

Tôi nhớ đến một ý của Phạm Văn Đồng đã viết trong “Văn Hóa và Đổi Mới” xuất bản năm 1994: “*Chúng ta đang đi trên một con đường chưa có bản đồ, chúng ta đang suy nghĩ và nghiên cứu về lý luận, đồng thời chúng ta phải hằng ngày, hằng giờ giải quyết những vấn đề thực tiễn, những bài toán đầy phức tạp và ẩn số...*” (12). Quả là khi có được một tầm cao văn hóa và trí tuệ thì người ta dễ bắt gặp những khám phá và sáng tạo của thời đại. Tiếp vào mạch ý trên, tác giả của “Văn Hóa và Đổi Mới” đòi hỏi “*chúng ta phải lớn lên, và đây chính là sự lớn lên của văn hóa và trí tuệ*”. (13)

Không đứng ở tầm cao văn hóa và trí tuệ đó, không thanh toán tận gốc cái căn tính tiểu nông hạn hẹp và thiển cận được nuôi dưỡng trên một mặt bằng dân trí thấp thì khó để có thể hiểu được cái triết lý về “*con đường chưa có bản đồ*”, khó để nhận thức được rằng “*không có bản đồ nào cho miền đất chưa khám phá*” do vậy mà phải có bản lĩnh “*nhìn về phía trước, sáng tạo những ý tưởng mới, phát hiện những chân trời mới*”.

Chính vì thế, nếu vẫn tự nuôi dưỡng và hít thở trong cái “*bầu khí quyển nông dân*” cho dù nó là “*trong vắt*” đến đâu, nếu vẫn chỉ thỏa mãn với cái kiểu tư duy “*chỉ so sánh mình với chính mình thôi*” thì đất nước này, dân tộc này không thể đứng vững, hội nhập và phát

triển trong cái thế giới đầy biến động khó lường này. Cái “**căn tính tiểu nông**” ấy bản thân nó là lực cản đối với sự phát triển, tệ hơn nữa, nó dễ biến từng bộ phận lớn dân cư ở cả nông thôn và thành thị của nước ta thành con mồi ngoan ngoãn của chủ nghĩa giáo điều đủ loại, và của những ý thức hệ tự xưng là hiện đại mà thực tế chứa đựng không thiếu gì căn bã, rác rưởi.

Một thế giới đang bước vào “**quá trình quá độ tổng hợp**” gần tới thời đoạn của các tập hợp những đột biến to lớn có khả năng làm thay đổi số phận của loài người. Dân tộc ta đang bước vào quá trình hội nhập của toàn cầu hóa trong một thời điểm lớn lao đó. Phải có một bản lĩnh dám nhìn lại mình với một thái độ thực sự cầu thị, kiểm lại **hành trang đã có và đang cần phải có** khi chủ động dẫn bước trên con đường mới nhiều triển vọng và cơ may nhưng cũng đầy chông gai và chạm bầy.

Nuôi dưỡng tinh thần tự hào dân tộc là nghĩa vụ thiêng liêng không của riêng ai trong mọi thời đại. Không có cái đó, sẽ không có bản lĩnh và trí tuệ để đương đầu với mọi thử thách. Tự ti dân tộc sẽ đẩy tới sự vong bản, vong thân, đưa đất nước đến thảm họa của sự sụp đổ. Song, chỉ biết dựa vào những hào quang của quá khứ để tự trấn an mình và ru ngủ người trước những thách đố nghiệt ngã của sự sống còn và phát triển của đất nước, không dám nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật về những khuyết tật dẫn đến những thua kém, tụt hậu so với khu vực và thế giới bằng thói quen “**chỉ so mình với chính mình thôi**”, thì khó mà trụ vững và phát triển trong những thử thách mới. Biết tựa vững vào những vinh quang đã được tạo nên bằng biết bao hy sinh của nhiều thế hệ để có đủ dũng khí và nghị lực, khiêm tốn học hỏi người để bước vào cuộc thử thách mới là **một thái độ văn hóa, một bản lĩnh văn hóa**.

Trên dòng sông lịch sử, ở thời đoạn này, con thuyền của dân tộc đã căng buồm thời đại. Đã ra đến quãng nước lợ, bắt gặp vị mặn của biển cả và lộng gió đại dương. Đã đến lúc không thể chỉ bằng rặng tre, nương dâu, bãi mía hai bên bờ sông làm chuẩn để đoán định chặng đường thuyền đã đi và nơi đang đến. Tầm mắt đại dương cần được trang bị bằng những thiết bị hiện đại chứ không thể bằng vào kinh nghiệm “trông trời, trông đất, trông mây...” Nền văn minh trí tuệ, nền kinh tế tri thức đang đòi hỏi cả thủy thủ và người cầm lái đều phải tự trang bị cho mình bản lĩnh mới để đương đầu với những cơn sóng cả của thời đại.

Theo tôi, đó chính là những khía cạnh xã hội và văn hóa cần hiểu sâu khi chúng ta xác định một tư thế chủ động tham gia vào quá trình hội nhập.
21.6.2001

TÀI LIỆU DẪN VÀ THAM KHẢO:

1. Ngô Thời Nhiệm. “Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh”
2. Cao Huy Thuần “Thượng đế, Thiên nhiên, Người, Tôi, Ta. Triết lý luật & tư tưởng Phật giáo” Trung tâm văn hóa Khuông Việt xuất bản.1999, tr.139,140
3. Trần Đăng Khoa.” Người thường gặp” NXB Thanh Niên.Hà Nội2001.tr.11 và 16
4. C.Mác & Ph. Angghen Toàn Tập .Tập 4. NXBCIQG Hà Nội 1995.tr. 601
5. Đào Duy Anh“Việt Nam Văn hóa Sử cương”NXB T.p Hồ Chí Minh 1992,tr363
6. C.Mác & Ph.Angghen Toàn tập. Tập21. NXBCTQG 1995, tr 421
7. Trần Đình Huợu“Đến hiện đại từ truyền thống”NXBVăn Hóa.Hà Nội 1996.tr64

8. 9, 12, 13 Phạm Văn Đồng. "Văn Hóa & Đổi Mới" NXBCTQG. Hà Nội. 1994. tr.36, tr.38, tr.39, tr. 67, tr. 68,
- 10, Dẫn lại theo Việt Phương "Một số điều suy nghĩ về thế kỷ XX và vài thập niên đầu thế kỷ XXI"
11. Dẫn lại theo Phan Đình Diệu." *Tạp Chí Xã Hội Học* 2.1999 tr.35

